

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**
Số: 028/PNC-2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K TP HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

- Tổ chức niêm yết : **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM**
- Mã chứng khoán : **PNC**
- Trụ sở chính : 940 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38663447 Fax: 08 38663449
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN HỮU HOẠT** (Người được ủy quyền Công bố thông tin).
- Địa chỉ: Số 1H đường số 6, Cư xá Bình Thới, Quận 11, TpHCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): : 08 38663447 Fax: 08 38663449
- Loại thông tin công bố: 24 giờ; 72 giờ; định kỳ
 bất thường; Theo yêu cầu
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính kiểm toán năm và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2015 tại đường dẫn www.pnc.com.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo tài chính kiểm toán năm và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu tại VPCT

CÔNG TY CP VĂN HÓA PHƯƠNG NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN HỮU HOẠT



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC
CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Hội đồng quản trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 03 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 6 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hải Phòng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Huế.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Hội An.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Nha Trang.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Cần Thơ.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Đà Lạt.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam tại Quảng Ninh.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Phan Thị Lệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Thành viên
Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên
Ông Võ Ngọc Thành	Thành viên
Bà Trần Thị Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 02/01/2015)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

3. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THỊ LỆ



Số: 15.116/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015 từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THUY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		245.818.080.673	218.695.795.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.028.877.336	6.054.808.196
1. Tiền	111		18.028.877.336	6.054.808.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.800.000.000	12.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.800.000.000	12.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	44.372.166.772	35.621.419.032
1. Phải thu khách hàng	131		25.203.618.698	22.594.270.976
2. Trả trước cho người bán	132		16.450.492.125	12.505.232.481
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		7.151.207.323	4.766.683.912
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.433.151.374)	(4.244.768.337)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	169.787.537.736	155.600.393.897
1. Hàng tồn kho	141		169.847.218.165	155.659.847.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(59.680.429)	(59.453.629)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.829.498.829	9.119.174.552
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	2.604.836.801	3.246.059.127
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		822.858.221	3.086.948
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		36.143.587	35.186.766
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	2.365.660.220	5.834.841.711

(phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.722.944.898	117.442.033.235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.332.000.000	8.332.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	8.332.000.000	8.332.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67.218.539.913	72.484.310.513
1. TSCĐ hữu hình	221	5.8	33.148.844.516	41.034.867.849
+ Nguyên giá	222		98.399.197.100	99.384.312.331
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.250.352.584)	(58.349.444.482)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.9	26.050.504.524	26.157.940.625
+ Nguyên giá	228		28.897.963.910	28.593.963.910
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.847.459.386)	(2.436.023.285)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	8.019.190.873	5.291.502.039
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		34.364.000	34.364.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(34.364.000)	(34.364.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	24.471.214.989	24.364.063.732
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.008.463.445	11.469.202.188
3. Đầu tư dài hạn khác	258		13.462.751.544	12.894.861.544
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.701.189.996	12.261.658.990
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	11.490.186.215	5.643.098.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.9	1.195.717.657	862.837.202
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.13	7.015.286.124	5.755.723.604
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		365.541.025.571	336.137.828.913

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		291.212.753.202	264.195.678.397
I. Nợ ngắn hạn	310		171.687.659.098	246.608.658.608
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	-	94.680.044.926
2. Phải trả người bán	312	5.15	128.000.698.738	110.716.889.108
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	2.920.627.742	1.312.659.015
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	1.820.178.450	813.387.949
5. Phải trả người lao động	315	5.17	6.204.485.668	5.567.959.650
6. Chi phí phải trả	316	5.18	19.763.778.319	15.985.218.924
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.19	12.977.890.181	17.532.499.036
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		119.525.094.104	17.587.019.789
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.20	3.813.836.198	3.695.870.694
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.21	115.207.000.000	13.650.818.824
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		504.257.906	240.330.271
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.328.272.369	71.942.150.516
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.22	74.328.272.369	71.942.150.516
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.402.410.000	110.402.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.738.460.046	24.738.460.046
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2.616.000.640)	(2.616.000.640)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		970.956.900	970.956.900
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.027.776.814	1.027.776.814
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(60.195.330.751)	(62.581.452.604)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		365.541.025.571	336.137.828.913

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		22.385.976.243	24.277.882.349
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		220,19	615,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ THỊ KIM SA

ÔNG THU NGA

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		333.220.374.947	334.451.984.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.644.795.097	6.456.892.514
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	328.575.579.850	327.995.091.551
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	201.281.154.515	220.212.495.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		127.294.425.334	107.782.595.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.643.286.974	2.598.941.133
7. Chi phí tài chính	22	6.4	10.227.716.367	14.398.204.421
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.448.981.511</i>	<i>13.802.536.005</i>
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	94.462.370.723	101.568.373.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	24.279.460.292	22.024.517.443
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.968.164.926	(27.609.558.054)
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.595.393.087	5.719.982.656
12. Chi phí khác	32	6.8	2.334.746.578	17.846.847.057
13. Lợi nhuận khác	40		260.646.509	(12.126.864.401)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(460.738.744)	(685.735.509)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		2.768.072.692	(40.422.157.964)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		714.831.293	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.9	(332.880.455)	757.384.310
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		2.386.121.853	(41.179.542.274)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		2.386.121.853	(41.179.542.274)
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80	5.22.4	221	(3.897)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ THỊ KIM SA

ÔNG THU NGA

PHAN THỊ LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		330.648.879.987	326.201.832.661
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(235.974.032.010)	(275.727.064.140)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.232.602.616)	(42.103.650.671)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.417.485.143)	(13.806.845.073)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(120.936.492)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		196.422.041.584	59.483.931.343
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(239.470.093.886)	(57.819.260.232)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.976.707.916	(3.891.992.604)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.708.930.639)	(1.008.993.630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.181.818	20.279.092
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(21.000.000.000)	(1.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(612.990.000)	(233.750.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		275.000.000	92.415.916
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		859.963.795	1.595.783.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.321.224.974	(634.265.533)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		220.508.908.416	205.915.225.445
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(213.832.772.166)	(203.126.636.062)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		6.676.136.250	2.788.589.383
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		17.974.069.140	(1.737.668.754)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.054.808.196	7.792.476.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		24.028.877.336	6.054.808.196

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ KIM SA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG THU NGA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THỊ LỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002356 ngày 19 tháng 11 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 03 năm 2014

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 110.402.410.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 6 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 940 đường 3/2, P.15, Q.11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh siêu thị, hàng tiêu dùng, sách báo, tạp chí văn hóa phẩm, băng hình, vật tư ngành ảnh, ngành in, đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất và kinh doanh các tác phẩm điện ảnh: phim nhựa, phim quảng cáo, các sản phẩm nghe nhìn và thực hiện các dịch vụ khác thuộc lĩnh vực điện ảnh;
- In ấn các loại sách báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, tem nhãn, bao bì các loại, giấy tờ quản lý kinh tế trên tất cả các chất liệu;
- Kinh doanh các dịch vụ thuộc ngành văn hóa thông tin: nhiếp ảnh, âm thanh, nhạc cụ, vẽ quảng cáo, thiết kế mỹ thuật, đánh máy, photocopy;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, nguyên liệu, thành phẩm và máy móc thiết bị có liên quan đến chức năng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất các sản phẩm phục vụ nhu cầu học tập, văn hóa bằng tất cả các chất liệu;
- Dịch vụ: sửa chữa, bảo trì máy móc, công cụ do Công ty kinh doanh; giữ xe của khách hàng.
- Tổ chức biểu diễn thời trang, ca múa nhạc chuyên nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Sản xuất và mua bán các loại sản phẩm nghe nhìn: băng đĩa nhạc, băng đĩa hình, băng đĩa phim truyện, phim hoạt hình, băng đĩa có nội dung sân khấu – ca nhạc và các loại băng đĩa có nội dung được phép lưu hành;
- Dịch vụ bảo hộ quyền tác giả;
- Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không kinh doanh tại trụ sở);
- Kinh doanh rạp chiếu phim;
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Số 496 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, TP HCM	100 %	100 %
2.	Công ty TNHH MTV VPP Phương Nam	Số 160/13 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
3.	Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
4.	Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Số 160/12 Đội Cung, P.9, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
5.	Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông Phương Nam	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %
6.	Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	Số 940 đường 3 tháng 2, P.15, Q.11, TP HCM	100 %	100 %

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	Số 137 Lê Quang Định, P.14, Q.Bình Thạnh, TP HCM	50,00%	59,90%
2.	Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Số 59 Trần Quốc Hoàn, Q.Tân Bình, TP HCM	25,00%	25,00%
3.	Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, P.3, Sóc Trăng	23,08%	23,08%
4.	Công ty CP Mega Phương Nam	Số 19C Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM	32,00%	32,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Văn Hóa Phương Nam, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ
- Chi phí chuyển địa điểm
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn được phân bổ

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 10 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.12 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.13 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.16 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Sách giáo khoa, giáo trình	0%
+ Sách tham khảo	5%
+ Các hàng hóa, dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.17 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

4.19 Điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính

Điều chỉnh hồi tố khoản lỗ của dự án phim Thiên mệnh Anh hùng vào kết quả kinh doanh năm 2013 do báo cáo tài chính năm 2013 chưa ghi nhận.

Tập đoàn có số liệu báo cáo tài chính sau khi điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Cuối năm 2013 (Điều chỉnh lại)	Cuối năm 2013 (Đã được trình bày trước đây)	Chênh lệch
Chi phí trả trước dài hạn	5.643.098.184	14.234.273.468	(8.591.175.284)
Hàng tồn kho	155.659.847.526	163.372.834.686	(7.712.987.160)
Lợi nhuận chưa phân phối	(62.581.452.604)	(46.277.290.160)	(16.304.162.444)

Bảng kết quả kinh doanh (Trích)

	Năm 2013 (Điều chỉnh lại)	Năm 2013 (Đã được trình bày trước đây)	Chênh lệch
Giá vốn hàng bán	220.212.495.564	212.499.508.404	7.712.987.160
Chi phí khác	17.846.847.057	9.255.671.773	8.591.175.284
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(41.179.542.274)	(24.875.379.830)	(16.304.162.444)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	5.807.553.068	3.191.573.142
Tiền gửi ngân hàng	12.221.324.268	2.863.235.054
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
Tổng cộng	24.028.877.336	6.054.808.196

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	-	9.000.000.000
Cho vay cá nhân	1.800.000.000	3.300.000.000
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	1.800.000.000	12.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	22.203.618.698	22.594.270.976
Trả trước cho người bán	16.450.492.125	12.505.232.481
Các khoản phải thu khác	7.151.207.323	4.766.683.912
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	48.805.318.146	39.866.187.369
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.433.151.374)	(4.244.768.337)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	44.372.166.772	35.621.419.032

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán cho các bên liên quan được chi tiết như sau (Xem thêm mục 8):

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	727.821.549	-
Trả trước cho người bán	-	2.533.173.991
Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:		

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Nhãn Hiệu Phương Nam – Xem thêm mục 8	16.692.174	5.910.584
Phải thu hàng thừa, thiếu, hư hỏng các nhà sách	1.076.448.546	1.067.191.969
Chiết khấu được hưởng	2.626.727.142	1.130.910.416
Các khoản thuế chưa xử lý	694.879.862	694.879.862
Phí vãng lai phải thu	221.053.216	200.804.743
Phải thu khác	2.515.406.383	1.666.986.338
Cộng	7.151.207.323	4.766.683.912

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.171.256.920	7.070.022.806
Công cụ, dụng cụ	141.445.127	227.568.743
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.304.821.371	9.464.151.986
Thành phẩm	11.588.279.932	12.341.431.879
Hàng hóa	115.345.406.583	105.049.424.537
Hàng gửi bán	21.296.008.232	21.507.247.575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	169.847.218.165	155.659.847.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(59.680.429)	(59.453.629)
Giá trị thuần có thể thực hiện	169.787.537.736	155.600.393.897

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	931.479.227	927.144.909
Chi phí chờ kết chuyển	1.673.357.574	2.318.914.218
Tổng cộng	2.604.836.801	3.246.059.127

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	818.949.861	4.863.339.718
Tạm ứng	1.326.110.359	708.001.993
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	220.600.000	263.500.000
Tổng cộng	2.365.660.220	5.834.841.711

5.7. Các khoản phải thu dài hạn

Khoản phải thu dài hạn là khoản phải thu về việc Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam chuyển nhượng 10% quyền góp vốn vào Công ty TNHH Truyền Thông CJ CGV Việt Nam cho Công ty Envoy Media Partners Limited với số tiền 400.000 USD tương đương 8.332.000.000 VND.

(Phần tiếp theo trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: đồng Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	69.103.754.997	4.865.654.332	2.279.764.511	23.135.138.491	99.384.312.331
Mua trong năm	183.306.205	-	-	1.005.029.202	1.188.335.407
Đầu tư XDCB hoàn thành	544.408.285	-	-	110.216.000	654.624.285
Tăng khác	1.769.858.205	39.943.833	-	4.126.527.169	5.936.329.207
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(260.509.554)	(260.509.554)
Giảm khác	(2.414.169.302)	(147.580.193)	-	(5.942.145.081)	(8.503.894.576)
Số dư cuối năm	69.187.158.390	4.758.017.972	2.279.764.511	22.174.256.227	98.399.197.100
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	37.293.409.863	4.060.662.893	1.921.780.433	15.073.591.293	58.349.444.482
Khấu hao trong năm	6.040.735.044	202.769.037	213.095.191	2.324.639.213	8.781.238.485
Tăng khác	328.554.619	18.455.200	-	2.104.265.977	2.451.275.796
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(240.696.530)	(240.696.530)
Giảm khác	(921.197.547)	(99.182.473)	-	(3.070.529.629)	(4.090.909.649)
Số dư cuối năm	42.741.501.979	4.182.704.657	2.134.875.624	16.191.270.324	65.250.352.584
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.810.345.134	804.991.439	357.984.078	8.061.547.198	41.034.867.849
Tại ngày cuối năm	26.445.656.411	575.313.315	144.888.887	5.982.985.903	33.148.844.516

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 30.975.249.863 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	25.232.525.000	3.322.838.910	38.600.000	28.593.963.910
Mua trong năm	-	276.000.000	-	276.000.000
Giảm khác	-	(115.681.197)	(15.440.920)	(131.122.117)
Tăng khác	-	159.122.117	-	159.122.117
Số dư cuối năm	25.232.525.000	3.642.279.830	23.159.080	28.897.963.910
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	2.397.423.285	38.600.000	2.436.023.285
Khấu hao trong năm	-	432.738.048	-	432.738.048
Tăng khác	-	90.332.183	-	90.332.183
Giảm khác	-	(96.193.210)	(15.440.920)	(111.634.130)
Số dư cuối năm	-	2.824.300.306	23.159.080	2.847.459.386
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	25.232.525.000	925.415.625	-	26.157.940.625
Tại ngày cuối năm	25.232.525.000	817.979.524	-	26.050.504.524

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.871.808.030 đồng

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Các công trình nhà sách	5.200.642.606	1.654.477.510
Dự án Phạm Duy	186.077.609	-
Dự án Ebook	546.997.387	3.637.024.529
Tư vấn Megastar	954.545.455	-
Dự án công ty truyền thông Phương Nam	600.271.882	-
Dự án Media	434.850.934	-
Nhận diện thương hiệu	95.805.000	-
Tổng cộng	8.019.190.873	5.291.502.039

5.11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.008.463.445	11.469.202.188
Đầu tư dài hạn khác	13.462.751.544	12.894.861.544
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	24.471.214.989	24.364.063.732
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	24.471.214.989	24.364.063.732

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Quyền biểu quyết
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	Liên doanh	3.498.109.363	59,90%	50,00%
Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Liên kết	2.399.033.703	25,00%	25,00%
Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Liên kết	2.629.242.070	23,08%	23,08%
Công ty CP Mega Phương Nam	Liên kết	2.482.078.309	32,00%	32,00%
Tổng cộng		11.008.463.445		-

Đầu tư dài hạn khác chủ yếu là khoản đầu tư vào Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam với giá trị là 12.653.840.314 đồng, tương ứng tỷ lệ quyền kiểm soát thực tế là 10%.

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.802.941.437	1.956.022.164
Chi phí chờ phân bổ khác	5.687.244.778	3.687.076.020
Tổng cộng	11.490.186.215	5.643.098.184

5.13. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê kho, thuê mặt bằng

5.14. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	94.680.044.926
Tổng cộng	-	94.680.044.926

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	128.000.698.738	110.716.889.108
Người mua trả tiền trước	2.920.627.742	1.312.659.015
Tổng cộng	130.921.326.480	112.029.548.123

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau (Xem thêm mục 8):

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Nhân Hiệu Phương Nam	2.590.149.232	-
Công ty Cổ phần Mega Phương Nam	30.600.000	30.600.000
Tổng cộng	2.620.749.232	30.600.000

5.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	714.831.294	-
Thuế giá trị gia tăng	940.376.705	743.017.580
Thuế thu nhập cá nhân	164.970.451	70.001.925
Các loại thuế khác	-	368.444
Tổng cộng	1.820.178.450	813.387.949

5.17. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

5.18. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí điện, nước, điện thoại	41.205.130	602.287.432
Chi phí hao hụt định mức, dự phòng giảm giá	-	54.673.104
Trích chi phí dự phòng chi phí phát hành	1.192.916.400	816.012.923
Thuê mặt bằng	854.033.876	1.527.718.191
Chi phí liên kết phát hành	12.505.048.452	12.313.247.864
Trích trước chi phí lãi vay	3.027.711.163	-
Khác	2.142.863.298	671.279.410
Tổng cộng	19.763.778.319	15.985.218.924

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	980.074.426	3.414.929.410
Kinh phí công đoàn	238.163.711	198.030.772
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	100.288.467	124.782.198
Trợ cấp thất nghiệp	10.736.720	50.024.360
Cổ tức phải trả	16.151.500	17.026.000
Nhận góp vốn	7.210.000.000	7.210.000.000
Phải trả Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam (Xem thêm mục 8)	92.288.452	62.982.342
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.330.186.905	6.454.723.954
Tổng cộng	12.977.890.181	17.532.499.036

5.20. Phải trả dài hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.813.836.198	3.695.870.694
Tổng cộng	3.813.836.198	3.695.870.694

5.21. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	5.318.818.824
Vay đối tượng khác	8.332.000.000	8.332.000.000
Cross Junction Investment Pte., Ltd	106.875.000.000	
Tổng cộng	115.207.000.000	13.650.818.824

Khoản vay Cross Junction Investment Pte., Ltd là khoản vay 7.000.000 USD, đã giải ngân đợt 1 là 5.000.000 USD, lãi suất 4%/năm. Đến thời điểm đáo hạn, khoản vay này có thể được gia hạn tiếp tục nhưng không quá 03 năm. Thế chấp cho khoản vay này là toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ Phần Văn Hóa Phương Nam trong Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam

(Phần tiếp theo trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.22. Vốn chủ sở hữu

5.22.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.589.060.000	34.551.810.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	(21.324.953.501)	113.198.649.619
Tăng vốn trong năm	9.841.561.047	-	-	-	-	9.841.561.047
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(41.179.542.274)	(41.179.542.274)
Chia cổ tức	-	(9.813.350.000)	-	-	-	(9.813.350.000)
Giảm khác	(28.211.047)	-	-	-	(76.956.829)	(105.167.876)
Số dư đầu năm nay	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	(62.581.452.604)	71.942.150.516
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.386.121.853	2.386.121.854
Số dư cuối năm	110.402.410.000	24.738.460.046	(2.616.000.640)	1.998.733.714	(60.195.330.751)	74.328.272.369

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

5.22.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	16.613.520.000	16.613.520.000
Vốn góp của các đối tượng khác	91.379.990.000	91.379.990.000
Cổ phiếu quỹ	2.408.900.000	2.408.900.000
Tổng cộng	110.402.410.000	110.402.410.000

5.22.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	11.040.241	11.040.241
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	11.040.241	11.040.241
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(240.890)	(240.890)
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.799.351	10.799.351
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.22.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	2.386.121.853	(41.179.542.274)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.799.351	10.567.497
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	221	(3.897)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

		VND
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	333.220.374.947	334.451.984.065
Hàng bán bị trả lại	(4.640.545.797)	(3.450.465.060)
Chiết khấu thương mại	(4.249.300)	(3.001.882.326)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(4.545.128)
Doanh thu thuần	328.575.579.850	327.995.091.551

6.2. Giá vốn hàng bán

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	201.280.927.715	220.212.495.564
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	226.800	-
Tổng cộng	201.281.154.515	220.212.495.564

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	724.279.120	1.204.398.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	3.410.333.915	1.176.686.751
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	309.651.751	189.510.178
Lãi liên doanh và lãi đầu tư dài hạn khác	25.000.000	(7.983.164)
Doanh thu hoạt động tài chính khác	74.022.188	36.328.855
Tổng cộng	4.643.286.974	2.598.941.133

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.448.981.509	13.802.536.005
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	515.725.717	545.851.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.632.082	48.866.130
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.607.473	950.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	216.769.586	-
Tổng cộng	10.227.716.367	14.398.204.421

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	36.272.205.211	34.797.659.629
Chi phí vật liệu, bao bì	964.562.304	1.275.601.474
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.570.796.022	2.197.423.579
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.829.877.934	9.098.524.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.965.690.769	44.000.714.367
Chi phí bằng tiền khác	6.859.238.483	10.198.450.051
Tổng cộng	94.462.370.723	101.568.373.310

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.687.243.354	11.206.264.859
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.739.535
Chi phí đồ dùng văn phòng	399.029.654	390.451.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	821.781.725	910.677.685
Thuế, phí và lệ phí	31.211.171	25.430.538
Chi phí dự phòng	255.057.107	623.106.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.298.296.341	4.367.091.923
Chi phí bằng tiền khác	5.786.840.940	4.490.755.211
Tổng cộng	24.279.460.292	22.024.517.443

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	8.181.818	20.279.092
Cho thuê mặt bằng	959.170.331	1.207.147.226
Xử lý nợ phải trả không xác định đối tượng	433.321.304	3.029.606.783
Giảm tiền thuê mặt bằng	454.545.455	-
Khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ nay thu lại được	200.079.873	-
Thu nhập khác	540.094.306	1.462.949.555
Tổng cộng	2.595.393.087	5.719.982.656

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	15.363.526	66.074.215
Tiền phạt, bồi thường	3.029.000	412.542.419
Xử lý công nợ tồn đọng	599.788.980	268.825.864
Chi phí thuê mặt bằng	889.341.000	813.831.151
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	11.320.678.209
Xử lý quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.190.251.686
Chi phí di dời kho	-	350.000.000
Chi phí khác	827.224.072	424.643.513
Tổng cộng	2.334.746.578	17.846.847.057

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

				VND
	Lỗ từ hoạt động kinh doanh	Chi phí trả trước	Giao dịch nội bộ	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	263.981.504	1.128.670.989	227.569.019	1.620.221.512
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(90.794.331)	(573.146.478)	(93.443.501)	(757.384.310)
Số dư đầu năm nay	173.187.173	555.524.511	134.125.518	862.837.202
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	(58.378.815)	195.027.434	196.231.836	332.880.455
Số dư cuối năm nay	114.808.358	750.551.945	330.357.354	1.195.717.657

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	1.195.717.657	862.837.202

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.934.387.980	3.874.216.222
Chi phí nhân công	47.959.448.565	46.003.924.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.651.659.659	10.009.201.895
Chi phí dự phòng	255.057.107	623.106.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.263.987.110	48.367.806.290
Chi phí khác bằng tiền	12.677.290.594	14.714.635.800
Tổng cộng	118.741.831.015	123.592.890.753

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh nhà sách
- Bán lẻ
- Phát hành sách
- Sản xuất, kinh doanh văn phòng phẩm
- Sản xuất, kinh doanh phim, băng đĩa
- In, thiết kế

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

ĐVT: triệu đồng

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	307.974	390	18.617	(21)	1.036	-	327.996
Giữa các bộ phận	-	9.757	(2.056)	7.368	-	(15.069)	-
Tổng cộng	307.974	10.147	16.561	7.347	1.036	(15.069)	327.996
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	(26.855)	325	(1.024)	(92)	94	(386)	(27.938)
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	(26.855)	325	(1.024)	(92)	94	(386)	(27.938)
Thu nhập tài chính	2.485	38	75	1	-	-	2.599
Chi phí tài chính	14.990	-	32	11	-	(635)	14.398
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	(686)	(686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	573	91	-	-	-	93	757
Lợi nhuận sau thuế	(39.933)	272	(981)	(102)	94	(530)	(41.180)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(39.933)	272	(981)	(102)	94	(530)	(41.180)
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(39.933)	272	(981)	(102)	94	(530)	(41.180)



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

	Kinh doanh nhà sách	Phát hành sách	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	329.175	27.972	45.644	8.049	14.063	(88.765)	336.138
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	329.175	27.972	45.644	8.049	14.063	(88.765)	336.138
Nợ phải trả của bộ phận	243.194	14.172	32.138	2.040	359	(27.707)	264.196
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	243.194	14.172	32.138	2.040	359	(27.707)	264.196
Chi phí mua sắm tài sản	7.431	-	-	-	-	-	7.431
Chi phí khấu hao	10.516	132	226	52	-	-	10.926

(Phần tiếp theo trang 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: triệu đồng

	Kinh doanh nhà sách	Bán lẻ	Phát hành sách	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	97.310	211.655	911	17.609	2	1.088		328.575
Giữa các bộ phận	17.306	14.139	13.814	1.909	3.244	-	(50.412)	-
Tổng cộng	114.616	225.794	14.725	19.518	3.246	1.088	(50.412)	328.575
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Kết quả của bộ phận	7.688	633	231	1.122	(96)	93	(858)	8.813
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	7.688	633	231	1.122	(96)	93	(858)	8.813
Thu nhập tài chính	1.672	2.917	75	27	-	-	(48)	4.643
Chi phí tài chính	9.228	424	-	17	1	-	557	10.227
Thu nhập từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	(461)	(461)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(195)	-	58	-	-	-	(196)	(333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	688	27	-	-	-	-	715
Lợi nhuận sau thuế	326	2.438	221	1.132	(97)	93	(1.728)	2.386
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	326	2.438	221	1.132	(97)	93	(1.728)	2.386
Các khoản mục bất thường	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	326	2.438	221	1.132	(97)	93	(1.728)	2.386

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

	Kinh doanh nhà sách	Bán lẻ	Phát hành sách	SXKD phim, băng đĩa	SXKD văn phòng phẩm	In, thiết kế	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác								
Tài sản của bộ phận	250.620	243.972	29.645	38.389	10.203	14.154	(221.442)	365.541
Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	250.620	243.972	29.645	38.389	10.203	14.154	(221.442)	365.541
Nợ phải trả của bộ phận	177.582	172.559	15.624	31.464	4.291	357	(110.664)	291.213
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	177.582	172.559	15.624	31.464	4.291	357	(110.664)	291.213
Chi phí mua sắm tài sản	470	718	-	-	-	-	-	1.188
Chi phí khấu hao	2.738	5.892	-	107	44	-	-	8.781

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam. Do đó, không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Văn Phòng Phẩm Phương Nam	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Phương Nam Phim	Công ty con
4. Công ty TNHH MTV In Phương Nam	Công ty con
5. Công ty TNHH Giải Trí Truyền Thông Phương Nam	Công ty con
6. Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam	Công ty con
7. Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	Công ty liên kết
8. Công ty CP TT Bách Việt Phương Nam	Công ty liên kết
9. Công ty Sách & Thiết bị Trường học Sóc Trăng	Công ty liên kết
10. Công ty CP Mega Phương Nam	Công ty liên kết
11. Bà Phan Thị Lệ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
12. Ông Nguyễn Hữu Hoạt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 01/02/2015)

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3		
Công ty Cổ phần Mega Phương Nam	627.000.000	-
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	100.821.549	-
Cộng	727.821.549	-
		VND Đầu năm
	Cuối năm	
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.3		
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	-	2.533.173.991
Cộng	-	2.533.173.991
		VND Đầu năm
	Cuối năm	
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.3		
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	16.692.174	5.910.584
Cộng	16.692.174	5.910.584

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.15		
Công ty Cổ phần Mega Phương Nam	30.600.000	30.600.000
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	2.590.149.232	-
Cộng	2.620.749.232	30.600.000

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.19		
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	90.288.452	62.982.342
Cộng	90.288.452	62.982.342

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa		
Công ty CP Nhãn Hiệu Phương Nam	255.097.320	7.678.610.301
Cộng	255.097.320	7.678.610.301

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng thành viên Tập đoàn	490.000.000	455.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn	2.603.660.290	1.825.615.000
Tổng cộng	3.093.660.290	2.280.615.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.17

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.028.877.336	6.054.808.196
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.150.346.239	21.354.114.720
Khoản đầu tư tài chính	1.800.000.000	12.300.000.000
Tài sản tài chính khác	7.235.886.124	6.019.223.604
Tổng cộng	59.215.109.699	45.728.146.520
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	115.207.000.000	108.330.863.750
Phải trả người bán và phải trả khác	143.447.010.293	128.140.466.098
Công nợ tài chính khác	19.763.778.319	15.985.218.924
Tổng cộng	278.417.788.612	252.456.548.772

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	5.000.000	-	220,19	615

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Tập đoàn có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	139.633.174.095	3.813.836.198	143.447.010.293
Chi phí phải trả	19.763.778.319	-	19.763.778.319
Các khoản vay	-	115.207.000.000	115.207.000.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	124.444.595.404	3.695.870.694	128.140.466.098
Chi phí phải trả	15.985.218.924	-	15.985.218.924
Các khoản vay	94.680.044.926	13.650.818.824	108.330.863.750

Hội đồng Quản trị Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 940 đường 3/2, phường 15, quận 11, TP.Hồ Chí Minh

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.150.346.239	-	26.150.346.239
Đầu tư ngắn hạn khác	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Tài sản tài chính khác	220.600.000	7.015.286.124	7.235.886.124
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.354.114.720	-	21.354.114.720
Đầu tư ngắn hạn khác	12.300.000.000	-	12.300.000.000
Tài sản tài chính khác	263.500.000	5.755.723.604	6.019.223.604

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 03 năm 2015.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

LÊ THỊ KIM SA

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ÔNG THU NGA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THỊ LỆ